

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105/2022/HS-ST**
Ngày: 04/3/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Quàng Văn Minh.**

Ông Cà Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Phùng Cẩm Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1979, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Số nhà 35, tổ dân phố 20, phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T; sinh năm 1932; Con bà: Tạ Thị N (đã chết); Vợ, con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/8/2016 Bị cáo bị TAND huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số: 211/2016/HSST; Ngày 07/12/2018 Bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống; Bị cáo đã được xóa án tích. Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/10/2021, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/10/2021, Phạm Văn T đi bộ từ nhà ở Số nhà 35, tổ dân phố 20, phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên mang theo 2.500.000

đồng gồm 05 tờ tiền tiền mệnh giá 500.000 đồng với mục đích đi tìm mua hồng phiến về sử dụng. Bị cáo đi bộ ra đường quốc lộ, rồi có đi nhờ xe của người đàn ông qua đường (không biết tên, tuổi, địa chỉ) để xuống đến khu vực Bản P P, xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên thì Bị cáo xuống xe máy, còn người đàn ông cho Bị cáo đi nhờ xe đi đâu Bị cáo không biết. Sau đó Bị cáo đi bộ được một đoạn đường thì gặp một người đàn ông dân tộc Thái, khoảng 45 tuổi (không biết tên, địa chỉ). Bị cáo hỏi người đàn ông đó: “Anh có hồng phiến bán không, bán cho em một ít để mang về sử dụng?”. Người đàn ông nói: “Có, em mua bao nhiêu tiền?”. Bị cáo nói: “Bán cho em 2.500.000 đồng”. Người đàn ông nói: “Đưa tiền đây”. Sau đó Bị cáo lấy tiền ở trong túi quần bên phải đang mặc ra số tiền 2.500.000 đồng đưa cho người đàn ông đó. Người đàn ông cầm tiền rồi đưa lại cho Bị cáo 01 túi nilon màu xanh, miệng túi có nẹp bấm cố định, bên trong có 194 viên hồng phiến. Bị cáo cầm lấy mở ra xem bên trong túi nilon màu xanh đó có các viên hồng phiến màu hồng. Khi trao đổi mua bán xong người đàn ông đó đi đâu Bị cáo không biết. Còn Bị cáo lấy 37 viên hồng phiến màu hồng, nhặt một mảnh nilon màu trắng gói lại, lấy bật lửa mang đi từ nhà hàn kín gói hồng phiến đó lại, rồi vứt bật lửa đi. Sau đó Bị cáo lấy vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng trong túi quần bên phải đang mặc ra, rồi cho túi nilon màu xanh và gói nilon màu trắng, bên trong có các viên hồng phiến vào trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long đó và cất giấu ở trong túi quần bên trái đang mặc rồi đi bộ về được một đoạn đường thì gặp Lò Văn T1, sinh năm 1989, nơi cư trú: Bản C N, xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đi xe máy đến. Bị cáo có xin đi nhờ xe của T1 để đi về. T1 đồng ý rồi T1 đưa xe cho Bị cáo điều khiển, còn T1 ngồi sau xe máy. Bị cáo không nói cho T1 biết việc Bị cáo mang theo số hồng phiến đó. Sau đó Bị cáo và T1 đi đến khu vực Thôn C9, xã Thanh Xương, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên thì gặp tổ công tác Đội CSĐTTP về Kinh tế - Ma túy Công an huyện Đ B làm nhiệm vụ tại đó yêu cầu dừng xe lại để kiểm tra. Qua kiểm tra tổ công tác phát hiện và thu giữ tại túi quần đằng sau bên trái của Bị cáo đang mặc có 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, mở bên trong có 01 túi nilon màu xanh, miệng túi có nẹp bấm cố định, mở bên trong có 157 viên hồng phiến màu hồng và 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng, miệng gói được hơi lửa hàn kín, mở bên trong có 37 viên hồng phiến màu hồng. Sau đó, tổ công tác tiến hành kiểm tra người Lò Văn T1 và chiếc mô tô BKS: 27B2-145.72 không phát hiện thu giữ gì. Với nội dung trên, tổ công tác mời người chứng kiến đến tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định. Sau khi hoàn tất thủ tục, tổ công tác đưa Bị cáo, Lò Văn T1 cùng toàn bộ hồ sơ, vật chứng của vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B để điều tra làm rõ.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 01/10/2021 đã xác định: Toàn bộ viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ của Phạm Văn T có khối lượng là 18,58 gam, gửi toàn bộ giám định, hoàn lại mẫu vật sau giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 1139/GĐ-PC09 ngày 08/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Phạm Văn T gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, nằm trong danh mục chất ma túy, STT 323, Mục IIC, Danh mục

II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, hoàn lại 14,86 gam và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSDB ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo: Từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 14,86 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố và không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 21 giờ 50 phút ngày 01/10/2021 tại Thôn C9, xã Thanh Xương, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, Phạm Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép tại túi quần đằng sau bên trái của Bị cáo đang mặc 18,58 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị

cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

...

...g)....Methamphetamine....có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam".

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra Bổ đề Bị cáo là ông Phạm Văn Tuyến được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Điện Biên, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12 thì nghỉ học, ở nhà.

Năm 1999 Bị cáo đi lính tại Biên phòng tỉnh Điện Biên đến năm 2001 ra quân. Năm 2002 đi học Đại học xây dựng tại chức tại tỉnh Điện Biên, đến năm 2007 ra trường và làm tại Phòng Hạ tầng kinh tế tại huyện Đ B Đông đến năm 2011 thì nghỉ việc về sinh sống cùng bố mẹ tại số nhà 35, tổ dân phố 20, phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên.

Ngày 12/8/2016 Bị cáo bị TAND huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án số

211/2016/HSST; Ngày 07/12/2018 Bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống; Bị cáo đã được xóa án tích. Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2010 cho đến ngày bị bắt.

Ngày 01/10/2021 Bị cáo bị Tổ công tác Đội CSĐTTP về Kinh tế và Ma túy Công an huyện Đ B, tỉnh Điện Biên bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ B ra Quyết định khởi tố Bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với Bị can theo quy định của pháp luật.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX sẽ xem xét.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, sống cùng bố đã già yếu, không có tài sản riêng. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, số vật chứng đã thu giữ của Bị cáo cần xử lý như sau:

Đối với 14,86 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng Bị cáo dùng để đựng ma túy, hết giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua của một người đàn ông dân tộc Thái, khoảng 45 tuổi (không biết tên, địa chỉ) nên không đủ cơ sở để xác minh, triệu tập điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông đã cho Bị cáo đi nhờ xe xuống khu vực bản Pa Pháy, xã Thanh Yên, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, Bị cáo không biết tên địa chỉ ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B không đủ cơ sở để xác minh, triệu tập, lấy lời khai làm rõ. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với Lò Văn T1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản C N, xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên là người đã cho Bị cáo đi nhờ xe và để Bị cáo điều khiển xe máy. Qua điều tra, xác minh và làm rõ các thông tin thu thập được thì T1 không hề biết Bị cáo mang theo số hồng phiến đó trong người. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Bị cáo: **07 năm 06 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (01/10/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 14,86 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ B;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- HSNV Công an huyện ĐB;
- CQĐT Công an huyện ĐB;
- Nhà tạm giữ Công an huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ B;
- Công an trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh ĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Tố Loan

